

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH**  
**- CÔNG TY CỔ PHẦN**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36



**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 189, Đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh,  
Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Xuân Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Vũ Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Điềm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Xuân Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Quân	Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Bà Đỗ Thị Thu Hương	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 189, Đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh,  
Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Vũ Cường**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



---

**Nguyễn Xuân Nam**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số: 0283 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1101-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.173.662.635.816</b>	<b>1.114.351.758.455</b>
I. Tiền	110	4	5.475.797.127	7.548.973.589
1. Tiền	111		5.475.797.127	7.548.973.589
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	39.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		504.830.275.357	617.278.226.886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	563.808.915.340	689.976.951.526
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	25.885.720.239	9.941.398.020
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.209.437.783	8.487.965.345
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(91.073.798.005)	(91.128.088.005)
IV. Hàng tồn kho	140	9	612.948.320.541	489.241.990.944
1. Hàng tồn kho	141		612.948.320.541	489.241.990.944
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.408.242.791	282.567.036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.227.534.938	268.056.548
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.353.165.014	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	827.542.839	14.510.488
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>348.643.183.105</b>	<b>292.446.962.505</b>
I. Tài sản cố định	220		232.293.138.071	206.419.849.274
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	231.681.995.214	205.662.096.359
- Nguyên giá	222		579.242.085.956	537.865.870.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(347.560.090.742)	(332.203.773.901)
2. Tài sản cố định vô hình	227		611.142.857	757.752.915
- Nguyên giá	228		2.217.750.000	2.217.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.606.607.143)	(1.459.997.085)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		94.994.567.061	67.294.629.333
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	94.994.567.061	67.294.629.333
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	18.732.483.898	18.732.483.898
1. Đầu tư vào công ty con	251		16.232.483.898	16.232.483.898
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.500.000.000	2.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.622.994.075	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.622.994.075	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.522.305.818.921</b>	<b>1.406.798.720.960</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>942.426.112.158</b>	<b>848.557.878.043</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>908.018.222.945</b>	<b>813.490.153.227</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	130.303.480.009	215.107.870.044
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	139.682.242.864	46.412.423.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.293.515.584	15.673.521.256
4. Phải trả người lao động	314		20.850.063.982	34.761.514.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.241.883.094	6.200.531.632
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.096.443.002	3.847.631.947
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	555.033.345.549	463.776.798.003
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	20.649.993.398	20.809.492.642
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.867.255.463	6.900.369.463
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.407.889.213</b>	<b>35.067.724.816</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	34.407.889.213	35.067.724.816
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>579.879.706.763</b>	<b>558.240.842.917</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>566.040.470.252</b>	<b>551.925.100.292</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		324.863.920.000	324.863.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		324.863.920.000	324.863.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.534.860.000	11.534.860.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.360.000.000)	(1.360.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		61.231.760.343	43.620.760.343
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		169.769.929.909	173.265.559.949
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		136.528.559.949	114.559.665.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		33.241.369.960	58.705.894.490
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13.839.236.511</b>	<b>6.315.742.625</b>
1. Nguồn kinh phí	431		10.163.546.600	2.163.546.600
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		3.675.689.911	4.152.196.025
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.522.305.818.921</b>	<b>1.406.798.720.960</b>

  
Tô Thị Hải Yến  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2024


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	581.829.855.867	595.805.378.596
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		581.829.855.867	595.805.378.596
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	499.263.161.352	554.697.963.137
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		82.566.694.515	41.107.415.459
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	179.648.849	1.639.424.223
6. Chi phí tài chính	22	26	12.853.912.758	23.976.404.321
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	10.956.890.325	21.846.819.801
7. Chi phí bán hàng	25	27	5.133.497.412	3.264.902.914
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	23.179.648.601	10.363.785.811
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		41.579.284.593	5.141.746.636
10. Thu nhập khác	31		114.945.671	1.022.771.918
11. Chi phí khác	32		-	48.938.339
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		114.945.671	973.833.579
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.694.230.264	6.115.580.215
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	8.452.860.304	1.252.617.256
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		33.241.369.960	4.862.962.959

  
Tô Thị Hải Yến  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>41.694.230.264</b>	<b>6.115.580.215</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.502.926.899	13.362.022.317
Các khoản dự phòng	03	(213.789.244)	(10.900.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	965.370.213	2.078.558.120
Chi phí lãi vay	05	(124.252.436)	(2.367.284.530)
	06	10.956.890.325	21.846.819.801
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>68.781.376.021</b>	<b>30.135.695.923</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	96.026.045.706	93.532.602.154
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(123.706.329.597)	72.895.563.915
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.882.278.324)	(117.724.919.078)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.582.472.465)	(379.591.901)
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.968.381.028)	(22.034.715.304)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.973.424.944)	(4.747.273.938)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.523.493.886	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.159.114.000)	(6.770.802.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.058.915.255</b>	<b>44.906.559.271</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(59.830.152.250)	(35.504.636.897)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.043.870.455
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.000.000.000)	(877.403.901)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	1.772.372.667
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	124.252.436	18.783.371
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(98.705.899.814)</b>	<b>(32.547.014.305)</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	752.939.340.616	596.191.921.615
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(662.342.628.673)	(642.057.993.890)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.706.600)	(45.504.675)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>90.564.005.343</b>	<b>(45.911.576.950)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.082.979.216)</b>	<b>(33.552.031.984)</b>
Tiền đầu kỳ	60	7.548.973.589	42.067.574.989
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.802.754	5.500.666
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.475.797.127</b>	<b>8.521.043.671</b>

  
Tô Thị Hải Yến  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh được chuyển đổi từ Công ty Sản xuất Thiết bị điện, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004/QĐBCN ngày 22 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2005.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 ngày 20 tháng 10 năm 2023, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 324.863.920.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Sàn UpCom từ ngày 08 tháng 10 năm 2014 với mã chứng khoán là TBD.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 337 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 344 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy biến áp phân phối, máy biến áp trung gian, các loại máy biến áp truyền tải có điện áp đến 500kV, công suất đến 900MVA, các loại máy biến áp khô và máy biến áp chuyên dùng khác;
- Chế tạo tủ điện, các loại máy biến dòng, máy biến điện áp đến 38.5kV, trạm biến áp hợp bộ, trạm cột và cung cấp các thiết bị trọn bộ cho nhà máy điện, trạm biến áp đến 500kV;
- Vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa máy biến áp, thí nghiệm hiệu chỉnh máy biến áp và các loại thiết bị điện;
- Đại lý phân phối các sản phẩm; và
- Tư vấn, thiết kế, nghiên cứu, ứng dụng KHKT, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất và phân phối máy biến áp và các thiết bị điện.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	Số 39/2 đường Lâm Tiên, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất thiết bị điện
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	Tổ 3, đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất thiết bị điện

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### ***Hàng tồn kho***

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, trừ giá xuất kho thành phẩm được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Thuê tài sản**

##### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

##### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### *Lãi đầu tư*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tổng Công ty được Sở Khoa học và Công nghệ cấp giấy Chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ lần đầu số 28/DNKHCN ngày 23 tháng 10 năm 2015 với danh mục hàng hóa hình thành từ khoa học và công nghệ là máy biến áp 220kV, công suất đến 250MVA. Theo đó, Tổng Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi trong thời hạn 15 năm, trong đó được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất máy biến áp 220kV, công suất 250MVA nếu đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu theo quy định. Thời điểm bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là năm 2016. Cục Thuế thành phố Hà Nội đã xác nhận việc được hưởng ưu đãi thuế nêu trên trong Công văn số 35081/CT-HTr ngày 26 tháng 5 năm 2016.

Trong kỳ, Tổng Công ty chưa đạt yêu cầu về tỷ trọng doanh thu tiêu thụ máy biến áp 220kV nên không được hưởng khoản ưu đãi thuế này. Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	120.738.067	111.232.579
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.355.059.060	5.437.741.010
Tiền đang chuyển	-	2.000.000.000
	<b>5.475.797.127</b>	<b>7.548.973.589</b>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.000.000.000	39.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	39.000.000.000	39.000.000.000	-	-
	39.000.000.000	39.000.000.000	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán với lãi suất là 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: không phát sinh).

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1. Đầu tư vào công ty con	16.232.483.898	-	16.232.483.898	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	8.420.648.380	(ii)	8.420.648.380	(ii)
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	7.811.835.518	(ii)	7.811.835.518	(ii)
b2. Đầu tư vào đơn vị khác	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (i)	2.500.000.000	(ii)	2.500.000.000	(ii)
	<b>18.732.483.898</b>	-	<b>18.732.483.898</b>	-

(i) Sổ cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc mà Tổng Công ty đang nắm giữ là 250.000 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 2,08%. Theo Biên bản số 261/BB-HĐQT ngày 23 tháng 02 năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua chủ trương thoái toàn bộ khoản đầu tư. Tới thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa hoàn thành việc thoái vốn nêu trên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã có văn bản xác định giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là 30.900 VND/Cổ phiếu. Công ty đã ủy quyền cho Tổng Công ty Phát điện 1 thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần.



**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, Tổng Công ty Phát điện 1 và Công ty Đầu giá hợp danh Đầu giá Việt Nam đã tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tổ chức đấu giá tài sản.

(ii) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ:**

	Kỳ này		Kỳ trước
	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lỗ	
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện – EEMC			
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo			
Thiết bị điện – EEMC			

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 29.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng:

**a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba**

Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin		
Công ty TNHH IPC		
Công ty TNHH Thép Cường Phát DST		
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà		
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả		
Công ty Cổ phần Yotek		
Các khách hàng khác		

**b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)

**Tổng cộng**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
	71.497.200.000	18.089.980.000
	22.666.110.786	-
	20.497.745.664	-
	17.619.976.831	17.619.976.831
	15.665.242.608	39.201.320.000
	132.709.765.384	21.502.860.000
		124.379.012.348
	283.152.874.067	469.183.802.347
	<b>563.808.915.340</b>	<b>689.976.951.526</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế mà Tổng Công ty đã, đang và sẽ ký với các đối tác đầu ra để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Trên 3 năm	81.615.065.929	-		61.154.642.130	-	
Trong đó:						
Các khách hàng mua máy biến áp	79.106.065.929	-		58.645.642.130	-	
Các nhà cung cấp nhận ứng trước hợp đồng mua bán	2.509.000.000	-		2.509.000.000	-	
Từ 2 năm tới dưới 3 năm	10.922.352.000	5.461.176.000	Các khách hàng mua máy biến áp	21.502.860.000	6.450.858.000	Các khách hàng mua máy biến áp
Từ 1 năm tới dưới 2 năm	14.998.314.867	11.000.758.791	Các khách hàng mua máy biến áp	38.754.200.000	23.832.756.125	Các khách hàng mua máy biến áp
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.535.732.796</b>	<b>16.461.934.791</b>		<b>121.411.702.130</b>	<b>30.283.614.125</b>	

Tổng giá trị dự phòng đã trích lập

91.073.798.005

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	6.801.080.000	-
Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Quốc Tế VIGI	3.668.948.136	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Công Nghệ Vạn Xuân	3.552.553.957	-
Công ty TNHH Thép JFE Shoji Hải Phòng	2.791.146.600	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Thăng Long	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty Hedrich GmbH	-	5.043.280.901
Các nhà cung cấp khác	7.671.991.546	3.498.117.119
	<b>25.885.720.239</b>	<b>9.941.398.020</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã thế chấp quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước của Tổng Công ty phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế mà Tổng Công ty đã, đang và sẽ ký với các đối tác đầu ra để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khác từ các công ty con	5.804.523.229	7.504.523.229
Ký cược, ký quỹ	25.436.317	124.205.281
Các khoản phải thu khác	379.478.237	859.236.835
	<b>6.209.437.783</b>	<b>8.487.965.345</b>

**Trong đó:**

Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	5.804.523.229	7.641.681.607
---	---------------	---------------

9. HÀNG TỒN KHO

		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá gốc	VND	VND
		Dự phòng	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	32.146.056.133	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	238.096.779.084	-	-
Công cụ, dụng cụ	2.324.903.170	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	262.826.212.041	-	-
Thành phẩm	57.560.099.538	-	-
Hàng hoá	19.994.270.575	-	-
	<b>612.948.320.541</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã thực hiện thế chấp là toàn bộ hàng tồn kho (bao gồm: sản phẩm, hàng hóa, vật tư và các nguyên vật liệu khác) do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh tài trợ được luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, kể cả các tài sản hình thành tại thời điểm hiện tại và hình thành trong tương lai, thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty, được lưu giữ tại các kho hàng của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

**10. TÁNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	98.499.602.426	399.931.631.602	24.918.705.051	14.515.931.181	537.865.870.260
Tăng trong kỳ	-	35.038.150.091	815.311.818	5.522.753.787	41.376.215.696
Số dư cuối kỳ	98.499.602.426	434.969.781.693	25.734.016.869	20.038.684.968	579.242.085.956
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	73.742.035.561	222.617.991.538	22.663.518.513	13.180.228.289	332.203.773.901
Khấu hao trong kỳ	2.126.242.843	12.520.990.644	237.358.769	471.724.585	15.356.316.841
Số dư cuối kỳ	75.868.278.404	235.138.982.182	22.900.877.282	13.651.952.874	347.560.090.742
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	24.757.566.865	177.313.640.064	2.255.186.538	1.335.702.892	205.662.096.359
Tại ngày cuối kỳ	22.631.324.022	199.830.799.511	2.833.139.587	6.386.732.094	231.681.995.214

Như trình bày tại các Thuyết minh số 17 và 18, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 127.075.829.953 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 102.788.015.886 VND) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 122.416.036.955 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 121.631.036.955 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Hệ thống đo lường bối dây	18.453.919.474	
Nhà xưởng lắp ráp MBA	17.647.768.852	-
Hệ thống chấn điện	16.039.170.449	-
Phần mềm SAP	13.300.630.000	7.621.510.000
Hệ thống điều hòa không khí	12.367.400.100	8.793.905.007
Hệ thống đo lường tổn hao	11.621.448.322	11.613.448.322
Hệ thống thử nghiệm xung sét	-	30.008.229.000
Xe đệm khí	-	5.522.753.787
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.564.229.864	3.734.783.217
	<b>94.994.567.061</b>	<b>67.294.629.333</b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng:

- Hệ thống thử nghiệm xung sét với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30.008.229.000 để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Hệ thống đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình.
- Một xe vận chuyển sử dụng đệm khí 300 tấn hình thành từ hợp đồng số 11/HĐ-EEMC-DELU ký ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa Tổng Công ty và Delu Luftkissen Transportageratetechnik GmbH để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Anh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, xe vận chuyển đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</b>				
Y & W Engineering and Trading Co., Ltd	35.422.719.666	35.422.719.666	29.969.055.823	29.969.055.823
VITZRO EM Company Limited	8.234.255.001	8.234.255.001	6.059.657.510	6.059.657.510
Công ty Cổ phần TAS	7.305.041.849	7.305.041.849	18.001.981.979	18.001.981.979
Công Ty TNHH FPT IS	7.218.244.500	7.218.244.500	-	-
Công ty TNHH Dongnam Petrovina	5.793.711.000	5.793.711.000	23.164.212.500	23.164.212.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	1.784.916.100	1.784.916.100	23.376.385.184	23.376.385.184
Công ty Cổ phần Ngô Han	417.351.146	417.351.146	15.711.366.106	15.711.366.106
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Vạn Xuân	-	-	8.692.876.647	8.692.876.647
Các đối tượng khác	62.409.795.594	62.409.795.594	90.132.334.295	90.132.334.295
<b>b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	1.717.445.153	1.717.445.153	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.303.480.009</b>	<b>130.303.480.009</b>	<b>215.107.870.044</b>	<b>215.107.870.044</b>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Thép Cường Phát DST	20.497.745.664	-
Công ty Cổ phần Ống thép Thuận Phát	16.353.402.769	-
Công ty TNHH Thủy điện Huổi Vắn	2.869.192.800	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Kỹ thuật điện Hà Nội	1.775.390.400	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Khang	-	1.540.728.000
Các khách hàng khác	14.121.758.381	5.971.979.588
<b>b. Trả trước từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	84.064.752.850	38.899.715.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>139.682.242.864</b>	<b>46.412.423.300</b>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	14.510.488	2.746.775.488	3.480.935.578	748.670.578
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	78.872.261	78.872.261
	<b>14.510.488</b>	<b>2.746.775.488</b>	<b>3.559.807.839</b>	<b>827.542.839</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	3.139.490.724	49.621.027.158	52.760.517.882	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	9.542.624.810	9.344.768.787	197.856.023
Thuế xuất nhập khẩu	68.285.286	3.788.679.707	3.717.972.298	138.992.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.465.745.246	8.452.860.304	15.973.424.944	4.945.180.606
Thuế tài nguyên môi trường	-	7.920.000	6.336.000	1.584.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.537.088.416	1.527.186.156	9.902.260
Các loại thuế khác	-	153.897.500	153.897.500	-
	<b>15.673.521.256</b>	<b>73.104.097.895</b>	<b>83.484.103.567</b>	<b>5.293.515.584</b>



15. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả cổ tức	1.965.178.950	1.992.860.550
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.131.264.052	1.854.771.397
	<b>5.096.443.002</b>	<b>3.847.631.947</b>

**Trong đó:**

Phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	1.339.915.350	1.339.915.350
---	---------------	---------------

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Dự phòng bảo hành sản phẩm	Tổng
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.809.492.642	20.809.492.642
Trích bổ sung	4.024.446.643	4.024.446.643
Hoàn nhập dự phòng	(2.846.000.000)	(2.846.000.000)
Sử dụng quỹ dự phòng	(1.337.945.887)	(1.337.945.887)
Số dư cuối kỳ	<b>20.649.993.398</b>	<b>20.649.993.398</b>

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>453.508.057.815</b>	<b>453.508.057.815</b>	<b>747.429.857.934</b>	<b>656.994.712.038</b>	<b>543.943.203.711</b>	<b>543.943.203.711</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh	275.413.987.611	275.413.987.611	276.993.084.868	276.120.314.109	276.286.758.370	276.286.758.370
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	123.794.288.886	123.794.288.886	220.661.340.059	229.870.126.890	114.585.502.055	114.585.502.055
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	24.020.736.361	24.020.736.361	99.954.430.186	24.020.736.361	99.954.430.186	99.954.430.186
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	30.279.044.957	30.279.044.957	149.821.002.821	126.983.534.678	53.116.513.100	53.116.513.100
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>10.268.740.188</b>	<b>10.268.740.188</b>	<b>6.169.318.285</b>	<b>5.347.916.635</b>	<b>11.090.141.838</b>	<b>11.090.141.838</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh	6.758.827.068	6.758.827.068	4.414.411.405	3.592.976.635	7.580.261.838	7.580.261.838
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.509.913.120	3.509.913.120	1.754.906.880	1.754.940.000	3.509.880.000	3.509.880.000
	<b>463.776.798.003</b>	<b>463.776.798.003</b>	<b>753.599.176.219</b>	<b>662.342.628.673</b>	<b>555.033.345.549</b>	<b>555.033.345.549</b>



**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất	Mục đích sử dụng vốn	Tài sản và các biện pháp đảm bảo khác
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh	Hợp đồng cấp tín dụng ngày 31 tháng 10 năm 2023	Tổng mức dư nợ cho vay bằng Việt Nam đồng tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức cho vay với số tiền là 1.160.000.000.000 VND; trong đó hạn mức cho vay tín dụng tối đa là 480.000.000.000 VND; duy trì đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, sản phẩm ngành điện của Tổng Công ty	Tín chấp
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 28 tháng 02 năm 2024	Hạn mức tín dụng là 245.000.000.000 VND duy trì đến ngày 28 tháng 02 năm 2025	Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty	Hợp đồng thế chấp quyền tài sản của một số tài sản cố định (chi tiết xem thuyết minh số 10); Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển là toàn bộ hàng tồn kho (bao gồm: sản phẩm, hàng hóa, vật tư và các nguyên vật liệu khác) có nguồn gốc do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh tài trợ được luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, kể cả các tài sản hình thành tại thời điểm hiện tại và hình thành trong tương lai, thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty, được lưu giữ tại các kho hàng của Tổng Công ty (Thuyết minh số 9); và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản bao gồm quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các khoản bồi hoàn; ...) của Tổng Công ty phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế mà Tổng Công ty đã, đang và sẽ ký với các đối tác đầu ra để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ (Thuyết minh số 6 và 7) và các hình thức bảo đảm khác

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất	Mục đích sử dụng vốn	Tài sản và các biện pháp đảm bảo khác
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Hợp đồng tín dụng ngày 29 tháng 02 năm 2024	Hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 VND duy trì 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng	Lãi suất cho vay thả nổi và được xác định tại thời điểm giải ngân hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất	Nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh máy biến áp, thiết bị điện phù hợp với đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty	Tín chấp
4	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Hợp đồng tín dụng ngày 06 tháng 5 năm 2020; Phụ lục gia hạn, sửa đổi bổ sung ngày 15 tháng 5 năm 2024	Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND duy trì đến hết ngày 14 tháng 5 năm 2025	Lãi suất vay được điều chỉnh tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay theo từng kỳ hạn trả lãi và căn cứ vào Công thức điều chỉnh lãi suất theo quy định của hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh mở và thanh toán tín dụng trả ngay, trả chậm	Tín chấp

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh (i)	23.399.508.004	23.399.508.004	5.509.482.682	3.592.976.635	25.316.014.051	25.316.014.051
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (ii)	21.936.957.000	21.936.957.000	-	1.754.940.000	20.182.017.000	20.182.017.000
	<b>45.336.465.004</b>	<b>45.336.465.004</b>	<b>5.509.482.682</b>	<b>5.347.916.635</b>	<b>45.498.031.051</b>	<b>45.498.031.051</b>
<b>Trong đó:</b>						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	10.268.740.188	10.268.740.188			11.090.141.838	11.090.141.838
- Số phải trả sau 12 tháng	35.067.724.816	35.067.724.816			34.407.889.213	34.407.889.213

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

- i. Chủ yếu phản ánh các khoản vay sau:
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay ngày 08 tháng 01 năm 2021 với số tiền cho vay từng lần là 28.426.300.000 VND. Thời hạn khoản cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên của Hợp đồng đến hết ngày quy định tại văn bản nhận nợ. Thời hạn của từng khoản vay được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Thời hạn rút vốn tối đa đến hết ngày 26 tháng 7 năm 2021. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ chi phí đầu tư hệ thống máy móc thiết bị mới giai đoạn năm 2020-2021 của Tổng Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh máy biến áp. Lãi suất và ngày điều chỉnh lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ.
  - Khoản vay được đảm bảo bởi Hệ thống máy móc, thiết bị theo Quyết định số 98/QĐ-EEMC-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020; 01 Máy lọc dầu 10.000 lít/giờ; 01 máy cắt tôn CNC Gas/Plasma (Thuyết minh số 10) và các hình thức bảo đảm khác.
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 25 tháng 9 năm 2023 với số tiền cấp tín dụng là 60.000.000.000 VND. Số tiền cho vay được chi tiết tại từng lần giải ngân và nhận nợ. Thời hạn khoản cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng này. Thời hạn rút vốn tối đa đến hết ngày 28 tháng 7 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ đầu tư máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện của khách hàng. Lãi suất được quy định tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Khoản vay được đảm bảo bằng một xe vận chuyển sử dụng đệm khí 300 tấn hình thành từ hợp đồng số 11/HĐ-EEMC-DELU ký ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa Tổng Công ty và Delu Luftkissen Transporteretechnik GmbH (Thuyết minh 10) và các hình thức bảo đảm khác.

- ii. Phần ánh khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư ngày 05 tháng 4 năm 2023 với số tiền cho vay từng lần bằng VND không vượt quá 21.973.455.000 VND với mục đích đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022-2023 giai đoạn 1 bao gồm tài sản là Hệ thống thử nghiệm xung sét (Thuyết minh số 10). Thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay (Thuyết minh số 10) và các hình thức bảo đảm khác.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Trong vòng một năm  
Trong năm thứ hai  
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm  
Sau năm năm

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng  
(được trình bày ở phần vay ngắn hạn)

**Số phải trả sau 12 tháng**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
	11.090.141.838	10.268.740.188
	10.112.726.034	9.721.830.308
	21.662.711.779	20.958.503.108
	2.632.451.400	4.387.391.400
	<b>45.498.031.051</b>	<b>45.336.465.004</b>
	11.090.141.838	10.268.740.188
	<b>34.407.889.213</b>	<b>35.067.724.816</b>

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>						
Số dư đầu kỳ trước	324.863.920.000	11.534.860.000	(1.360.000.000)	29.420.760.343	186.328.393.066	550.787.933.409
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4.862.962.959	4.862.962.959
Số dư cuối kỳ trước	324.863.920.000	11.534.860.000	(1.360.000.000)	29.420.760.343	191.191.356.025	555.650.896.368
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>						
Số dư đầu kỳ này	324.863.920.000	11.534.860.000	(1.360.000.000)	43.620.760.343	173.265.559.949	551.925.100.292
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	33.241.369.960	33.241.369.960
Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	-	17.611.000.000	(17.611.000.000)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(18.576.000.000)	(18.576.000.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	(550.000.000)	(550.000.000)
Số dư cuối kỳ này	324.863.920.000	11.534.860.000	(1.360.000.000)	61.231.760.343	169.769.929.909	566.040.470.252

(i) Theo Nghị quyết số 119/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông và việc thông qua phương án trích Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền là 17.611.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 10,2%
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành với số tiền lần lượt là 18.576.000.000 VND và 550.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 10,7% và 0,3%.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	cổ phiếu	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.486.392	32.486.392
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.486.392	32.486.392
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.486.392</i>	<i>32.486.392</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.000	68.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.000</i>	<i>68.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.418.392	32.418.392
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.418.392</i>	<i>32.418.392</i>

#### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101322 ngày 01 tháng 6 năm 2005 và sửa đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 20 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 324.863.920.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
<b>Cổ đông</b>	<b>324.183.920.000</b>	<b>99,79%</b>	<b>324.183.920.000</b>	<b>99,79%</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	151.013.760.000	46,49%	151.013.760.000	46,49%
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	149.681.330.000	46,08%	149.681.330.000	46,08%
Các cổ đông khác	23.488.830.000	7,23%	23.488.830.000	7,23%
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>680.000.000</b>	<b>0,21%</b>	<b>680.000.000</b>	<b>0,21%</b>
<b>Tổng</b>	<b>324.863.920.000</b>	<b>100%</b>	<b>324.863.920.000</b>	<b>100%</b>

#### 20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
USD	8.597,67	9.237,72
EUR	8.045,34	8.056,26

##### Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Máy biến áp truyền tải	máy	1	1

#### 21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

##### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh các loại máy biến áp và các thiết bị điện khác và cung cấp các dịch vụ liên quan. Trong kỳ, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh máy biến áp và các thiết bị điện khác. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23.



**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty thực hiện sản xuất, kinh doanh máy biến áp và các thiết bị điện và cung cấp các dịch vụ liên quan trên lãnh thổ Việt Nam. Trong kỳ, Tổng Công ty không thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	373.442.277.905	280.593.382.852
Doanh thu bán hàng hóa	168.833.494.485	276.599.879.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.554.083.477	38.612.115.849
	<b>581.829.855.867</b>	<b>595.805.378.596</b>

**Trong đó:**

**Doanh thu với các bên liên quan**  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)

310.865.936.728      152.477.161.538

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	304.911.912.594	247.094.576.440
Giá vốn của hàng hóa đã bán	161.929.576.430	276.302.739.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.421.672.328	31.300.647.452
	<b>499.263.161.352</b>	<b>554.697.963.137</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.144.332.652	241.906.282.502
Chi phí nhân công	30.403.358.346	17.842.102.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập) dự phòng	15.183.575.815 (213.789.244)	13.362.022.317 (10.900.000.000)
Chi phí mua ngoài	32.379.150.205	29.918.142.991
Chi phí bằng tiền khác	13.686.275.528	9.141.904.126
	<b>405.582.903.302</b>	<b>301.270.454.310</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	55.396.413	444.382.185
Lãi tiền gửi	49.252.436	18.783.371
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	1.176.258.667
	<b>179.648.849</b>	<b>1.639.424.223</b>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.956.890.325	21.846.819.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.897.022.433	2.129.584.520
	<b>12.853.912.758</b>	<b>23.976.404.321</b>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.125.434.655	911.465.438
Chi phí bảo hành	1.688.475.044	243.792.329
Chi phí vận chuyển	1.716.577.777	723.444.611
Chi phí hoa hồng môi giới	-	310.995.267
Chi phí mua ngoài khác	603.009.936	1.075.205.269
	<b>5.133.497.412</b>	<b>3.264.902.914</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.081.591.595	7.584.479.534
Chi phí vật liệu văn phòng	504.248.877	702.678.611
Chi phí khấu hao tài sản	1.817.287.833	1.470.436.895
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(54.290.000)	(10.900.000.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.830.810.296	11.506.190.771
	<b>23.179.648.601</b>	<b>10.363.785.811</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.864.275.916	1.252.617.256
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	588.584.388	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành</b>	<b>8.452.860.304</b>	<b>1.252.617.256</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	41.694.230.264	6.115.580.215
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(2.372.850.686)	147.506.066
<b>Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành</b>	<b>39.321.379.578</b>	<b>6.263.086.281</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành</b>	<b>7.864.275.916</b>	<b>1.252.617.256</b>

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cổ đông lớn
Các công ty con và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	Công ty trong cùng Tập đoàn của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	Công ty con

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>310.865.936.728</b>	<b>152.477.161.538</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	27.567.333.416	10.776.953.235
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	8.721.276.250	10.078.834.027
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Máy Biến Áp Truyền Tải MEE	210.000.000	-
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam	274.367.327.062	131.621.374.276
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ban Quản lý Dự án Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia</i>	120.516.871.119	-
<i>Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung-Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia</i>	74.814.363.636	-
<i>Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai</i>	21.934.128.263	-
<i>Ban Quản lý Dự án Lưới điện</i>	14.749.413.714	28.708.363.636
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam</i>	14.264.000.000	13.850.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng</i>	13.763.888.889	-
<i>Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc</i>	-	35.421.997.594
<i>Tổng Công ty Điện lực miền Trung</i>	-	23.979.000.000
<i>Công ty Điện lực Vĩnh Phúc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc</i>	-	15.107.876.563
<i>Công ty Truyền tải điện 2</i>	-	11.830.500.000
<i>Ban Quản lý dự án Xây dựng điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc</i>	-	-
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</i>	-	1.200.000.000
<i>Các công ty khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	14.324.661.441	1.523.636.483
<b>Mua hàng</b>	<b>48.513.794.568</b>	<b>52.594.046.705</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	43.615.019.115	46.035.007.410
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	4.898.775.453	6.559.039.295
<b>Lợi nhuận chuyển về được nhận</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	1.200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	500.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>283.152.874.067</b>	<b>469.183.802.347</b>
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	10.922.352.000	12.202.352.000
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	12.660.841.093	8.870.552.064
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	8.468.828.284	6.581.008.754
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	-	5.699.041.826
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam	251.100.852.690	435.830.847.703
Trong đó:		
<i>Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Trung - Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia</i>	85.374.612.727	8.471.902.318
<i>Ban Quản lý Dự án Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia</i>	75.657.015.318	184.886.520.953
<i>Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai</i>	13.681.758.674	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng</i>	13.488.611.111	-
<i>Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội</i>	9.091.401.736	7.004.848.000
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam</i>	8.795.790.057	1.947.070.057
<i>Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực</i>	6.238.075.759	8.311.409.092
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</i>	5.523.480.000	14.985.360.000
<i>Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia</i>	4.682.707.340	55.360.782.238
<i>Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia</i>	4.677.064.285	87.491.100.000
<i>Ban Quản lý Dự án Lưới điện</i>	3.191.866.812	-
<i>Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	22.552.545.455
<i>Công ty Điện lực Vĩnh Phúc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc</i>	-	14.850.000.000
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</i>	-	3.059.750.001
<i>Công ty Truyền tải điện 4</i>	-	121.000.000
<i>Các Công ty khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	20.698.468.871	26.788.559.589
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>5.804.523.229</b>	<b>7.641.681.607</b>
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	3.098.585.465	4.298.585.465
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	2.705.937.764	3.205.937.764
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	-	137.158.378
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.717.445.153</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	1.528.086.593	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	189.358.560	-

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>84.064.752.850</b>	<b>38.899.715.712</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	-	1.449.090.560
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam	84.064.752.850	37.450.625.152
Trong đó:		
<i>Ban QLDA Các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia</i>	<i>30.166.500.000</i>	-
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam</i>	<i>17.254.800.000</i>	<i>17.254.800.000</i>
<i>Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia</i>	<i>11.140.000.000</i>	-
<i>Công ty Truyền tải điện 1</i>	<i>7.481.535.912</i>	<i>4.830.198.412</i>
<i>Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai</i>	<i>3.185.181.818</i>	<i>5.849.618.720</i>
<i>Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam</i>	-	<i>8.558.400.000</i>
<i>Các công ty khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	<i>14.836.735.120</i>	<i>957.608.020</i>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>1.339.915.350</b>	<b>1.339.915.350</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.339.915.350	1.339.915.350

**Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Ông Nguyễn Xuân Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	48.600.000	-
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	241.500.000	69.320.000
Ông Nguyễn Vũ Cường	Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng Quản trị	259.983.750	254.270.000
Ông Nguyễn Khắc Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	233.475.760	246.758.075
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị	41.400.000	213.266.720
Ông Lê Văn Điềm	Phó Tổng Giám đốc	249.759.760	236.036.720
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	246.847.040	230.228.440
Ông Cao Xuân Khoa	Phó Tổng Giám đốc	253.226.475	218.592.000
Ông Nguyễn Hải Quân	Phó Tổng Giám đốc	256.722.475	230.788.525
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.831.515.260</b>	<b>1.699.260.480</b>

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 10.654.967.686 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán; và đã bao gồm 3.167.571.943 VND là số tiền ứng trước cho nhà cung cấp cho hoạt động này phát sinh trong kỳ (tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 lần lượt là 2.411.838.602 VND và 8.795.481.735 VND), Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên các mục tăng, giảm các khoản phải trả và mục tăng giảm các khoản phải thu.

Tô Thị Hải Yến  
Người lập biểu

Đỗ Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2024